

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 361/2023/HS-ST

Ngày: 05-9-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Phạm Văn Khuyến**

- Ông **Mai Thanh Giàu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị H** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 334/2023/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P (Tên gọi khác: Đen); Sinh năm: 1983 tại: Trà Vinh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: **Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh**; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1960 và bà **Nguyễn Thị Á**, sinh 1960; Tên vợ: **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh 1988; Bị cáo có 02 con sinh năm 2003 và 2006; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 25/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/6/2022, đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 15/11/2021.

Nhân thân:

+ Ngày 25/7/2007, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/8/2008, đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 11/4/2008;

+ Ngày 18/01/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, được đặc xá từ ngày 30/8/2010, đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/3/2010;

+ Ngày 29/4/2016, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/7/2017, đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/11/2021;

Đã tạm giam từ ngày 17/4/2023 tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố T.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty X.

Địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thế P1.

Địa chỉ: 4 Đường A, Khu phố C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phan Văn P2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số E Đường A, Khu phố E, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số E đường T, Khu phố C, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Nhân chứng: Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: C Đường L, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 14/4/2023, Nguyễn Văn P điều khiển ghe trên sông K đi ngang qua Công trình xây dựng xử lý nước thải cạnh chân cầu K, đường V, Khu phố D, phường T, thành phố T do Công ty X đang thi công, thi P phát hiện nhiều sắt xây dựng, không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. P đi lên lấy trộm số sắt gồm nhiều bó sắt cây đường kính 12mm đã cắt khúc dài từ 01-02m, tổng trọng lượng khoảng 800kg, 04 cây sắt vuông loại 10 cm X 10 cm rỗng dài khoảng 03m, tổng trọng lượng khoảng 70kg, P để số sắt trộm được xuống ghe chở đi giấu tại bụi cây gần đó khoảng 500m rồi ngủ luôn trên ghe. Đến khoảng 13.00 giờ cùng ngày, P gọi điện cho vợ là Nguyễn Thị Kiều T nói T gọi cho anh Lê Tuấn C (là bạn làm công trình chung với P) để xin số điện thoại của anh Phan Văn P2 (là người chạy xe ba gác thuê). P không nói với T thuê xe ba gác để làm gì, T gọi điện cho C xin được số anh P2 thì nhắn cho P, P gọi điện cho anh P2 nói muốn thuê anh P2 chở đồ, P hẹn anh P2 ở chân cầu P rồi mượn 01 xe mô tô (không rõ biển số) của 01 người đàn ông đang bắt cá

gần đó (không rõ lai lịch) chạy đến dẫn anh P2 đang điều khiển xe ba gác máy hiệu Kawaki màu xanh biển số 54Y2-7973 cùng đến chân cầu K, P trả lại xe mô tô. Lúc này, P thấy có 01 người tên T2 (không rõ lai lịch) đang bơi ghe bắt cá trên sông nên nhờ T2 đẩy phụ ghe, mang các thanh sắt lên xe ba gác chở đi, P hứa sẽ trả công 300.000 đồng, T2 đồng ý. Khi P, T2 vừa mang hết số sắt từ ghe lên xe ba gác thì bị anh Nguyễn Xuân M (là bảo vệ công trình) phát hiện số sắt là của công trình bị mất nên tri hô, giữ lại được anh P2, còn P và T2 chạy xuống ghe bơi đi mỗi người 01 hướng. P đem ghe giấu vào bụi cây cách chỗ trộm sắt khoảng 01km rồi bơi lên bờ đi bộ về nhà. Vụ việc được anh Trần Thế P1 là quản lý công trình bị mất sắt trình báo đến Công an phường T. Qua làm việc với anh P2, rà soát số điện thoại và công tác truy xét, đến khoảng 18.00 giờ ngày 15/4/2023, P bị Công an phường T mời về trụ sở làm việc và lập biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với P.

Tại cơ quan điều tra, P khai nhận toàn bộ hành vi như trên. Cơ quan điều tra đã lập biên bản cho P đi xác định địa điểm P trộm sắt, bụi cây giấu sắt trộm được, nơi P chuyển số sắt lên xe ba gác, cho P xác định số sắt trộm được là số sắt đang để trên xe ba gác; anh Phan Văn P2 nhận dạng được hình ảnh của P là người thuê anh P2 chở hàng và hướng dẫn anh P2 đến chân cầu K để chở hàng, P là người cùng 01 thanh niên khác chuyển sắt từ ghe lên xe; anh C nhận dạng được P là người xin số điện thoại xe ba gác của anh P2.

Phan Văn P2 khai báo: anh P2 được P thuê xe ba gác để chở đồ đến cầu M với giá 300.000 đồng, anh P2 không biết số sắt là do P trộm được.

Lê Tuấn C khai báo: anh C được vợ P gọi điện xin số điện thoại của anh P2 để P thuê xe ba gác chở đồ chuyển nhà trọ, anh C không biết P thuê chở tài sản trộm được.

Bản Kết luận định giá tài sản số 123-KV1/KLĐG-HĐĐGTS ngày 20/4/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 70kg sắt vuông rỗng, đường kính 10x10cm và 800kg sắt cây, loại đường kính 12mm có tổng trị giá 12.200.000 đồng.

Cáo trạng số 326/CT-VKSTPTĐ ngày 07/8/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173 và điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối hận và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố T, của Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức trong quá trình điều tra truy tố là thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn P tại phiên tòa phù hợp với nội dung: Biên bản Tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và Sơ đồ xảy ra vụ việc do Công an phường T, thành phố T lập ngày 14/4/2023; Biên bản làm việc lập ngày 17/4/2023 về việc Nguyễn Văn P xác định tài sản trộm cắp được tại phường T, thành phố T; Biên bản về việc Nguyễn Văn P3 xác định địa điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do Công an phường T lập ngày 16/4/2023; Các Biên bản nhận dạng do Công an phường T lập ngày 16/4/2023 về việc cho Phan Thanh P4, Lê Tiến C1 nhận dạng Nguyễn Văn P3 qua ảnh; Lời khai của những người biết sự việc: Phan Thanh P4, Lê Tiến C1 và Nguyễn Xuân M; Tang vật thu giữ được trong vụ án; Bản Kết luận định giá tài sản số 123-KV1/KLĐG-HĐĐGTS ngày 20/4/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố T; Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/4/2023, tại Công trình xây dựng xử lý nước thải cạnh chân cầu K, đường V, Khu phố D, phường T, thành phố T, Nguyễn Văn P đã lén lút chiếm đoạt 870kg sắt có tổng trị giá 12.200.000 đồng của Công ty X. Là bị cáo Nguyễn Văn P đã phạm Tội “Trộm cắp tài sản” trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn P là người có 01 tiền án chưa được xóa án tích và 03 lần khác bị xử phạt tù (đã được xóa án tích) cùng về Tội Trộm cắp tài sản nên biết rất rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái và bị pháp luật trừng trị, nhưng do tham lam, lười lao động nên bị cáo đã bất chấp, cố ý trộm cắp 870kg sắt có giá trị 12.200.000 đồng của Công ty X. Hành vi trộm cắp tài sản do bị cáo Nguyễn Văn P thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của tổ chức kinh tế được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng xấu đến cuộc sống bình thường của người dân xung quanh. Xét bị cáo Nguyễn Văn P là người có nhân thân xấu, đã tái phạm tội cũ, thực hiện hành vi phạm tội với quyết tâm chiếm đoạt cao, thể hiện sự không thật sự ăn năn hối cải. Tuy nhiên, cũng xét, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi giao trả bị hại đầy đủ, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã khai báo đầy đủ, ăn năn hối cải. Khi quyết định hình phạt, căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, cần áp dụng Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được

sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định khung hình phạt phải áp dụng, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần có hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với: Phan Văn P2 được P thuê chở sắt đi bán nhưng không biết số sắt là do P trộm được nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với P2; Lê Tuấn C, Nguyễn Thị Kiều T được P nhờ xin giúp số điện thoại của P2 nhưng không biết mục đích của P xin số điện thoại để thuê người chở sắt trộm được đi bán nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với C, T.

Xét đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp thuận.

[4] Về trách nhiệm phần dân sự: anh Trần Thế P1 là đại diện Công ty X đã nhận lại số sắt bị trộm, không có yêu cầu gì khác nên Tòa án không phải giải quyết về bồi thường dân sự cho bị hại.

[5] Vật chứng vụ án:

- 04 thanh sắt vuông dài khoảng từ 2,5 mét đến 3,5 mét, kích thước 10cmx10cm, rỗng, cân nặng 70kg; Nhiều sắt cây đặc đường kính 12mm, dài khoảng 01 mét đến gần 03 mét (một số cây sắt thẳng và một số cây sắt bẻ cong vuông góc), cân nặng 800kg. Cơ quan điều tra đã trả lại số sắt trên cho anh Trần Thế P1 là đại diện Công ty X là phù hợp, Tòa án không xem xét thêm.

- 01 điện thoại Nokia 1203 là điện thoại của Nguyễn Văn P sử dụng hàng ngày, không dùng vào việc phạm tội. Ngày 17/4/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho P là phù hợp, Tòa án không xem xét thêm.

- 01 xe ba gác máy hiệu Kawaki màu xanh, biển số 54Y2-7973. Xe do anh Trần Văn T1 đứng tên sở hữu, ngày 23/11/2022, anh Phan Văn P2 mua lại xe trên để sử dụng, có làm hợp đồng ủy quyền nhưng chưa sang tên. Ngày 17/4/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh P2 là phù hợp, Tòa án không xem xét thêm.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn P** phạm Tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: **Nguyễn Văn P** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2023.

3. Áp dụng Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKSND Tp Thủ Đức;
- Công an Tp Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

